

Số: 1902/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 22 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được chuẩn hóa; sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thừa phát lại, Trọng tài thương mại, Hòa giải thương mại, Hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1955/QĐ-BTP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Trọng tài thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-BTP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hòa giải thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2005/QĐ-BTP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Thừa phát lại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 406/TTr-STP ngày 13 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được chuẩn hóa; sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thừa phát

lại, Trọng tài thương mại, Hòa giải thương mại, Hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính mới ban hành; chuẩn hóa; sửa đổi, bổ sung được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh tại chuyên mục “Thủ tục hành chính” tại địa chỉ: “dichvucong.backan.gov.vn”.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Duy Hưng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; ĐƯỢC CHUẨN HÓA; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI, TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI, HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI, HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC KẠN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1902 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Thừa phát lại					
1	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 18/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại (Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ) - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/08/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 18/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại (Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự		Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
3	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp

4	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
5	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp - Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức th, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành gnhề Thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Thông tư số 223/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).
6	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng, thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Đối với các trường hợp thay đổi khác thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp

8	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	Không	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>
9	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>
10	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại</p>		Không	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>
11	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>

	nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại				
12	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn</p>	Không	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp</p>
13	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	<p>- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 05/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp.</p>

B. Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Trọng tài thương mại					
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	1.500.000 đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại (Nghị định số 63/2011/NĐ-CP của Chính phủ). - Nghị định 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại (Nghị định 124/2018/NĐ-CP của Chính phủ). - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động của Trọng tài thương mại (Thông tư số 12/2012/TT-BTP của Bộ Tư pháp). - Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài

					chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn; điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại (Thông tư số 222/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính).
2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	1.000.000 đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP của Chính phủ. - Nghị định 124/2018/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 12/2012/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 222/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	<ul style="list-style-type: none"> - 500.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài. - 3.000.000 đồng đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP của Chính phủ. - Nghị định 124/2018/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 12/2012/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 222/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		500.000 đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 12/2012/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 222/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
5	Đăng ký hoạt động Chi nhánh tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	5.000.000 đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP của Chính phủ. - Nghị định 124/2018/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 12/2012/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 222/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài: 1.500.000 đồng. - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm Trọng tài: 1.000.000 đồng. - Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trọng tài thương mại năm 2010; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 12/2012/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 222/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Lĩnh vực Hòa giải thương mại					
1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại (Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ). - Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/2/2018 của Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại (Thông tư số 02/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp).
2	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
3	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm		Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ.
4	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
6	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực		Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
8	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chi nhánh		Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp.
9	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận báo cáo của chi nhánh		Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 02/2018/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

	theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động tại nước ngoài				
--	---	--	--	--	--

C. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
Lĩnh vực Hộ tịch				
I. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch (CSDLHT)				
1	2.000635	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp). - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (Thông tư số 281/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính). 	- Cơ quan quản lý CSDLHT
II. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại cấp huyện				
1	2.000528	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính). 	- Phòng Tư pháp
2	2.000806	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính. 	- Phòng Tư pháp

3	1.001766	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
4	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
5	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
6	1.001669	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
7	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
8	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
9	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
10	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
11	2.000547	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
12	2.000522	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
13	1.000893	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
14	2.000513	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp

15	2.000497	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	- Phòng Tư pháp
III. Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại cấp xã				
1	1.001193	Đăng ký khai sinh	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
2	1.000894	Đăng ký kết hôn	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
3	1.001022	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
4	1.000689	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
5	1.000656	Đăng ký khai tử	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
6	1.003583	Đăng ký khai sinh lưu động	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
7 -	1.000593	Đăng ký kết hôn lưu động	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
8	1.000419	Đăng ký khai tử lưu động	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
9	1.004837	Đăng ký giám hộ	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
10	1.004845	Đăng ký chấm dứt giám hộ	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
11	1.004859	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
12	1.004873	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
13	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã

14	1.004772	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
15	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã
16	1.005461	Đăng ký lại khai tử	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính.	UBND cấp xã

D. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện
Lĩnh vực Trọng tài thương mại			
1	1.001511.000.00.00.H03	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	Sở Tư pháp
2	2.001020.000.00.00.H03	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	Sở Tư pháp
3	1.002242.000.00.00.H03	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	Sở Tư pháp
4	1.002213.000.00.00.H03	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	Sở Tư pháp
5	1.002199.000.00.00.H03	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
6	2.000951.000.00.00.H03	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
7	1.002164.000.00.00.H03	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
8	1.002891.000.00.00.H03	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
9	2.000544.000.00.00.H03	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
10	1.002132.000.00.00.H03	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
11	1.002102.000.00.00.H03	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
12	1.002709.000.00.00.H03	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Sở Tư pháp

13	1.002703.000.00.00.H03	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp
14	1.002050.000.00.00.H03	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Sở Tư pháp
15	2.000586.000.00.00.H03	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp
16	1.002026.000.00.00.H03	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài	Sở Tư pháp
17	1.002009.000.00.00.H03	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
18	1.001891.000.00.00.H03	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Sở Tư pháp
19	1.001819.000.00.00.H03	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	Sở Tư pháp
Lĩnh vực Hòa giải thương mại			
1	2.002048.000.00.00.H03	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khởi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
2	1.005147.000.00.00.H03	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp
3	1.005148.000.00.00.H03	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
4	2.000532.000.00.00.H03	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại/chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Sở Tư pháp
5	2.000445.000.00.00.H03	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp

6	2.000491.000.00.00.H03	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
7	2.000405.000.00.00.H03	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Sở Tư pháp
8	2.000394.000.00.00.H03	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
9	2.000425.000.00.00.H03	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Sở Tư pháp
10	1.005149.000.00.00.H03	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Sở Tư pháp